

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ FIRECOV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ FIRECOV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FIRECOV TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110787541

3. Ngày thành lập: 17/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 58A ngách 58/3 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972161488

Fax:

Email: firecov.technology@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất chuông điện báo cháy, vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ),	2790
2.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
3.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất quần áo chống cháy, sản xuất cửa thép ngăn cháy, cửa cuốn ngăn cháy, cửa kính ngăn cháy, cửa tầng thang máy ngăn cháy, thiết bị phòng cháy chữa, máy chuyên dùng chữa cháy;	3290
4.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy bơm và thiết bị có liên quan, các máy móc dùng cho mục đích phòng cháy, báo cháy và chữa cháy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	3312
5.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Xây dựng nhà để ở	4101
10.	Xây dựng nhà không để ở	4102
11.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
12.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13.	Xây dựng công trình điện	4221
14.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

Thời gian đăng từ ngày 18/07/2024 đến ngày 17/08/2024

15.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
16.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
17.	Xây dựng công trình thủy	4291
18.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
19.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
20.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
21.	Phá dỡ	4311
22.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	4330
27.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống camera quan sát, hệ thống chống đột nhập, hệ thống chống sét, cáp mạng; điện dân dụng và công nghiệp; bán buôn thiết bị điện lạnh, máy bơm các loại, quạt dân dụng - công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế.	4659
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bình chữa cháy; Bán buôn thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động; Bán buôn thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; Bán buôn xe chữa cháy. Bán buôn mực bơm. Nạp bình cứu hỏa	4669
32.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
34.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
35.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
37.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
38.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Lập trình máy vi tính	6201
45.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
46.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
47.	Cổng thông tin Chi tiết: Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến (loại trừ các hoạt động báo chí)	6312
48.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy; - Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy. (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy)	7110(Chính)
49.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế quần áo chống cháy, thiết bị chữa cháy, máy chữa cháy, xe chữa cháy, động cơ chữa cháy; Thiết kế bảng hiệu quảng cáo (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy)	7410
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
53.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

55.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: Giám sát hoặc giám sát từ xa của hệ thống báo động an toàn điện tử, như báo trộm hoặc báo cháy, bao gồm cả việc bảo dưỡng; - Lắp đặt, sửa chữa, làm lại và điều chỉnh thiết bị cơ khí hoặc điện tử, bộ phận khóa điện, két an toàn.	8020
56.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy)	8531
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy)	8559

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN HOÀ	98/30 Cộng Hoà, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	4,000	0360700070 56	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	4,000		

2	LƯƠNG UNG THÁI	Số 313/2 Nguyễn Trãi, Phường 07, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	16,000	066077000033
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	800.000.000	16,000	
3	VŨ PHI LONG	Số 128A đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bò Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	001088024171
			Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	
4	VĂN THỊ HIỀN	Phòng A1406 chung cư Lạc Hồng Westlake, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	001181001217
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

5	PHẠM PHAN OANH	Số 58A ngách 58/3 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0011750359 21
			Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000	
6	HƯƠNG TRẦN PHƯƠNG NAM	Căn 404 Tập thể C4, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0790760339 14
			Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM PHAN OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/03/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001175035921

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 58A ngách 58/3 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 58A ngách 58/3 Trần Bình, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội